TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2026/DS-ST
Ngày 03-8-2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 748/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 500/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp KT, xã CN, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp KT, xã CN, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp KT, xã CN, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Hoàng M trình bày: Trước đây, ông S, bà H cố phần đất ở ấp KT, xã CN, tỉnh Cà Mau cho ông Nguyễn Văn Đ 09 chỉ vàng 24k. Đến ngày 30/02/2023, ông Đ yêu cầu ông S, bà H chuộc lại đất và ông đã cho bị đơn mượn 09 chỉ vàng 24k để trả ông Đ. Thời điểm này, ông với ông S, bà H đã lập hợp đồng thuê đất trong thời hạn 03 năm, giá 20.000.000đ, ông đã trả đủ tiền thuê đất. Hết hạn thuê, ông S, bà H lấy lại đất canh tác nên ông đã trả lại nhưng ông S, bà H chưa trả số vàng đã mượn. Ông M khởi kiện yêu cầu ông S và bà H trả 09 chỉ vàng 24k.

Bà Phạm Thị H trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông M về việc bà và ông S đã mượn ông M 09 chỉ vàng 24k để chuộc lại đất từ ông Đ. Ngày 30/02/2023 bà, ông S với ông M đã thỏa thuận cho ông M thuê lại đất trong thời hạn 03 năm, giá 20.000.000đ, ông M đã trả đủ tiền thuê đất. Hết hạn thuê, bà và ông S có nhu cầu sử dụng đất nên đã yêu cầu ông M trả lại. Bà chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền 49.500.000đ theo giá 09 chỉ vàng vào thời điểm mượn.

Đối với ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Ông M yêu cầu ông S, bà H trả 09 chỉ vàng 24k nhưng bà H chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền 49.500.000đ. Xét thấy: Theo lời trình bày của ông M, bà H và giấy mượn vàng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 30/02/2023, ông M đã cho ông S, bà H mượn 09 chỉ vàng 24k, hết hạn hợp đồng thuê đất ông M đã trả lại đất nhưng ông S, bà H chưa trả vàng. Theo giấy mượn vàng thể hiện "…tới thời hạn ông S lấy phần đất cho mướn lợi thì ông S phải trả 09 chỉ vàng mà ông M cho ông S mượn nếu ông S không có khả năng trả vàng cho ông M thì ông S cho ông M mướn đất tiếp để trừ vàng cho mượn 9 chỉ vàng bằng 1 chỉ 5.500.000 bằng 49.500.000 đồng.". Theo nội dung giấy mượn vàng trên thể hiện khi ông S lấy lại đất phải trả cho ông M 09 chỉ vàng 24k, hai bên không có thỏa thuận trả bằng tiền. Tại phiên Tòa, bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận trả bằng số tiền 49.500.000đ.

Đối với Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc ông S và bà H trả cho ông M 09 chỉ vàng 24k.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 3.065.000đ được nhận lại. ông S, bà H phải chịu 116.550.000đ (09 chỉ vàng 24k x 12.950.000đ/chỉ vàng 24k) x 5% = 5.827.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 332 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị H trả cho ông nguyễn Hoàng M 09 (chín) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn kara).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Hoàng M không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 3.065.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008340 ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại. Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị H phải chịu 5.827.500đ (năm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng